

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024****Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 282+283)

Phụ lục II**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI***(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

26. Quy trình Cấp Giấy phép xe tập lái (QT-26)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy phép xe tập lái trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức có nhu cầu thực hiện cấp giấy phép xe tập lái thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ, công chức Phòng Quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo quy định tại mẫu phụ lục VIII Nghị định 65/2016/NĐ-CP	X	
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	X	X
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao</i>			

<i>điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>				
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc (Quy trình thực hiện khi đã kiểm tra xe tập lái cùng với việc kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

	định hướng dẫn Tổ chức bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B4	Phân công xử lý	- Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	1 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B5	- Thẩm định hồ sơ.	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	2 giờ	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP -Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In giấy phép xe tập lái, trình lãnh đạo phòng ký giấy phép xe tập lái, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	3 giờ	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/ TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP

B7	Bàn giao kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1 giờ	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho Tổ chức (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng Quản lý phương tiện và người lái)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái. 3. Giấy phép xe tập lái.			

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

27. Quy trình Cấp lại Giấy phép xe tập lái (QT-27)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép xe tập lái trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ sở đào tạo triển khai thực hiện cấp lại giấy phép xe tập lái hoặc bổ sung xe tập lái thuộc trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ, công chức Phòng Quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ, công chức tại Bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo quy định tại mẫu phụ lục VIII Nghị định 65/2016/NĐ-CP	x	

	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).		x	x
<i>(Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định).</i>				
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

	công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn cơ sở đào tạo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người lái	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B6	Kiểm tra thực tế xe tập lái	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1/2 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	In giấy phép xe tập lái, trình lãnh đạo phòng ký giấy phép xe tập lái, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Quản lý phương tiện và người	1/2 ngày làm việc	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

		lái		- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý phương tiện và người lái	1/2 ngày làm việc	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng Quản lý phương tiện và người lái)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy phép xe tập lái hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi.Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái. 3. Giấy phép xe tập lái.			

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

28. Quy trình Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô (QT-28)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X
	- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có		X

	chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);			
	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).		X	
	Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi	Bộ phận một	Giờ	- Mẫu số 01, Phụ

	giấy tiếp nhận, hẹn ngày	cửa - Sở Giao thông vận tải	hành chính	lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo lái xe.	Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XI, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo	1,0 ngày	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư

		phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	làm việc	01/2018/TT- VPCP;
B9	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	BIỂU MẪU
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018; 2. Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe; 3. Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số..... ngày...../...../..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải..... tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số..... ngày...../...../..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

29. Quy trình Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo (QT-29)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ <i>(chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất)</i>	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X

	- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).			X
	Trường hợp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo lái xe.	Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XI, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP

B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/ NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018; 2. Mẫu Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe; 3. Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.			

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ**
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban: ...

Địa chỉ liên lạc:

.....

Điện thoại: Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày// của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày// của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ..., thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH
(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
3							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

30. Quy trình Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác (QT-30)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi;	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cơ sở đào tạo lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B6	In: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy phép đào tạo lái xe ô tô; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy phép)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B9	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IX, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.			

31. Quy trình Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 (QT-31)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 3. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị;	X	
	- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có	X	

	vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);				
	- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;			X	
	- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);				X
	- Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.			X	
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.				
3.6	Phí, lệ phí				
	Không có				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cơ sở đào tạo lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2	

B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Văn bản chấp thuận; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Văn bản chấp thuận.
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Văn bản chấp thuận.

B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Văn bản chấp thuận.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

32. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động (QT-32)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với tổ chức có nhu cầu cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Văn bản đề nghị.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại trung tâm sát hạch lái xe.	Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Biên bản kiểm tra.
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP

B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.			

33. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động (QT-33)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với trung tâm sát hạch lái xe có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	X	
	- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.	X	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; - Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
3.7.1	Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc thành lập tổ kiểm tra cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.
B7	Tổ chức kiểm tra thực tế tại trung tâm sát hạch lái xe.	- Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Biên bản kiểm tra.
B8	Thẩm định kết quả kiểm tra.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP;

B9	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	2,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B13	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện Giao thông vận tải	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:			
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Trung tâm sát hạch lái xe	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	In: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động;	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động; Hoàn thiện kết quả (lấy số, đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP

B9	Trả kết quả cho trung tâm sát hạch lái xe	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 12, Nghị định 65/2016/NĐ-CP
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.			

34. Quy trình Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (QT-34)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô tại nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:		
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định;	X	
	Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;		X

	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten – nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).	X	X	
* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:				
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;	X		
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn . - Qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp	Cá nhân	Giờ	Theo mục 3.2

	+ Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến		hành chính	
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Tron g giờ hành chính	Mẫu số 1, mẫu số 2 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2.5 ngày làm việc	- Giấy phép kinh doanh vận tải. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	05 giờ	- Giấy phép kinh doanh vận tải. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Trưởng phòng ký duyet	Trưởng phòng	03 giờ	- Giấy phépkinh doanh vận tải (đã được kí duyệt) - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (đã được kí duyệt)
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; - Văn thư Văn Phòng Sở	01 giờ	- Giấy phépkinh doanh vận tải (đã được đóng dấu) - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; - Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	- Sổ theo dõi hồ sơ
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy đã nộp trên hệ thống dịch vụ công trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Giấy phépkinh doanh vận tải. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

2	BIỂU MẪU
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:;
Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ
kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân;
trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe.....(ghi rõ địa điểm, diện
tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề
nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe
taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất
lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận
tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất
lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng:

(trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

35. Quy trình Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng (QT-35)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản	Bản

		chính	sao
* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh bao gồm:			
	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;	x	
	Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).	x	
* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải) bao gồm:			
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;	x	
	Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;		x
	Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử);	x	x
	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.	x	
* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy			

phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải) gồm:				
	Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;			
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;			
	Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Mẫu số 01, Mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 giờ	Mẫu số 5 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	3.5 ngày làm việc	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	05 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.

B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	03 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. (được ký Duyệt)
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	1 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Chuyên viên Bộ phận một cửa	02 giờ	- Mẫu số 6 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép Kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 5, mẫu số 6 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ**
KDVT:.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe.....(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

36. Quy trình Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (QT-36)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định</i>	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		

	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc tiếp nhận qua cổng Dịch vụ công trực tuyến.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Trong giờ hành chính	Mẫu số 1, mẫu số 2 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	-Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2 ngày làm việc	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. - Mẫu số 3 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	04 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	01 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải. (được ký Duyệt)
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	01 giờ	- Giấy phép Kinh doanh vận tải.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Chuyên viên Bộ phận một cửa	01 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép Kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ**
KDVT:.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:;
Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc
Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh
doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân;
trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện
tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề
nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe
taxi) Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất
lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận
tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất
lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau: - Đơn vị đạt hạng:
(trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương
đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do
Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt). Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

37. Quy trình Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (QT-37)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải).
2	PHẠM VI - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải tại nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho đơn vị. Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

	- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TTBGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Căn cứ văn bản số 7375/VP-KT ngày 23/8/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ; - Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; - Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bãi bỏ các Quyết định thu phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu theo mẫu quy định;	X	
	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		X

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không thu lệ phí chỉ thu tiền mua phôi ấn chỉ: 2.800 đồng/phù hiệu, (mức thu có thể thay đổi tại từng thời điểm theo giá bán ấn chỉ của Cục Đường bộ Việt Nam).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp phù hiệu. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	6 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	1 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải

B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	2,5 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

38. Quy trình Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) (QT-38)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải).
2	PHẠM VI - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hoá thông thường và xe taxi tải tại nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh vận tải cho đơn vị. Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

	- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TTBGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Căn cứ văn bản số 4794/STC-BG ngày 10/8/2016 của Sở tài chính về việc phương án giá cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ do Sở Giao thông vận tải cấp; - Căn cứ văn bản số 7375/VP-KT ngày 23/8/2016 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện cấp các loại phù hiệu vận tải đường bộ; - Căn cứ Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; - Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bãi bỏ các Quyết định thu phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu theo mẫu quy định	x	
	Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		x

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội - Nộp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: https://qlvt.mt.gov.vn - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không thu lệ phí chỉ thu tiền mua phôi ấn chỉ: 2.800 đồng/phù hiệu, (mức thu có thể thay đổi tại từng thời điểm theo giá bán ấn chỉ của Cục Đường bộ Việt Nam).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và ghi	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp phù hiệu. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	6 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B6	Trình Trưởng phòng phê duyệt	Trưởng phòng	1 giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn thư Văn Phòng Sở	0.5giờ	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận 1 cửa	2,5 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

39. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (QT-39)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	x	
	Giấy phép liên vận ASEAN	x	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		vận tải - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B7	Đóng dấu kết quả	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn Phòng Sở	0,5 giờ	-Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA
PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION
PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ: (Address).....
3. Số điện thoại: (Telephone number) Số Fax/Địa chỉ email:
(Fax number/Email address)
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):
 - Biển số xe (Registration number):
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number).....được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of) (dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)
5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):
.....
.....
(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian
ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in
day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung
giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn
bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the
request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached
documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như
những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (To comply strictly with all
provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).

40. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (QT-40)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính)	x	
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải - Chuyên viên phòng Quản	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		lý vận tải		
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng ký Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên trực một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của

	giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)			Trung Quốc
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị gia hạn; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION
PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):.....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country).....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày..... đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s),
from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

41. Quy trình Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (QT-41)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;	x	
	+ Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu	x	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng ký Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; (đã được đóng dấu)

B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; 2. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế
giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:
 - Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):
 -
 -
 - Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):
 -
 -

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO****I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

**II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI****1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.****a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.**

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
- b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.**
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

42. Quy trình Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (QT-42)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;	x	
	+ Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu	x	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; (đã được đóng dấu)

B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; 2. Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế
giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:
 - Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):
 -
 -
 -
 -
 - Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):
 -

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

**PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO****I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

**II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI****1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.****a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.**

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 286+287)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn